TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41 / 2020/DS-ST.
Ngày: 06 / 3 / 2020.
V/v: Tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Văn Nhơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tạ Công Minh.**

Ông **Nguyễn Văn Y.**

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Thành Phục** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2019/TLST-DS ngày 09/12/2019, về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐST-DS ngày11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Dương Văn N,** sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp TB, xã TTCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Dương Thị Thu M, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp TB, xã TTCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp TB, xã TTCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn N, có đại diện theo ủy quyền chị Dương Thị Thu M trình bày:

Vào ngày 24/01/2019, ông Dương Văn N có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 70.000.000 đồng, cho vay làm một lần, thời hạn là 04 năm kể từ ngày vay, thỏa thuận lãi suất trả mỗi tháng là 700.000 đồng. Việc vay tiền này hai bên có làm giấy biên nhận. Sau khi vay ông T đã trả được 08 tháng lãi thì ngưng, vốn chưa trả. Ngoài ra, ông T hứa nếu không trả tiền vay cho ông thì ông T sẽ giao cho ông N 04m đất ngang tương đương số tiền trên để trừ nợ. Tuy nhiên, đến nay ông T đã bán đất, ông T đã ngưng đóng lãi từ tháng 09/2019 cho đến nay, không thực hiện việc trả vốn nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông N yêu cầu ông T trả số tiền vay là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông thừa nhận có vay của ông Dương Văn N số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 24/01/2019, ông vay một lần, thời hạn vay là 04 năm kể từ ngày vay, thỏa thuận lãi suất trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Việc vay tiền này hai bên có làm giấy biên nhận, biên nhận do anh nhờ con của ông N viết. Sau khi vay ông đã trả lãi cho ông N được 08 tháng, 04 tháng lãi đầu là 1.000.000đồng/tháng, 04 tháng lãi sau 700.000đồng/tháng. Tiền vốn đã trả được 29.400.000 đồng, ông không nhớ rõ ngày tháng trả, khi trả vốn và lãi cũng không có giấy tờ gì. Ngoài ra, ông có hứa nếu không trả tiền vay cho ông N thì ông sẽ bán 04m đất ngang cho ông N tương đương số tiền trên để trừ nợ. Tuy nhiên, khi bán đất do thiếu nợ nhiều người nên ông đã dùng tiền bán đất để trả hết nên không còn tiền để trả cho ông N.

Nay ông đồng ý trả cho ông N số tiền vay là 70.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Dương Văn N và bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày thống nhất với nhau về số tiền mà ông N đã cho ông T vay vào ngày 24/01/2019 là 70.000.000đồng, ông T thừa nhận hiện nay còn nợ ông N số tiền 70.000.000đồng chưa trả, đây là những tình tiết, sự kiện được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên

thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo biên nhận nợ ngày 24/01/2019 ông N có cho ông T vay 70.000.000đồng, thời hạn 04 năm, lãi suất 700.000đ/tháng. Ông T cam kết nếu không trả nợ sẽ giao cho ông N 04m đất ngang tương đương số tiền trên để trừ nợ. Tuy số tiền 70.000.000đ chưa đến hạn thanh toán như thỏa thuận, nhưng do ông N đã vi phạm hợp đồng là không thực hiện nghĩa vụ trả lãi đúng như thỏa thuận, phần đất mà ông T hứa sẽ giao cho ông N nếu không trả được nợ cho ông N thì ông T cũng đã chuyển nhượng cho người khác, số tiền chuyển nhượng đất có được ông T cũng không dùng để trả nợ cho ông N, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông N. Do ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo thỏa thuận, nên ông N chấm dứt hợp đồng và ông T đồng ý, xét đây là sự tự nguyện của hai bên, Hội đồng xét xử chấp nhận. Do hợp đồng vay tiền giữa ông N và ông T chấm dứt nên hai bên có nghĩa vụ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, do đó ông N yêu cầu ông T trả lại số tiền là 70.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi, ông N không yêu cầu tính lãi, ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông T đồng ý trả cho ông N số tiền 70.000.000đ, nhưng xin trả mỗi tháng trả 500.000đ, xét ý kiến của ông T xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng không được ông N chấp nhận và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông T mà buộc trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 428 463, 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn N số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng), thực hiện ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông Dương Văn N 1.750.000đồng tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 01559 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Kể từ ngày ông Dương Văn N có yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Ông Dương Văn N, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn